

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.
2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tăng Ngọc T**, sinh năm 1987. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số V, khu vực A, phường N, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Dương Minh K**, sinh năm 1985. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Tăng Ngọc T trình bày:

Vào năm 2006, chị và anh Dương Minh K sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2006 tại Ủy ban nhân dân phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và cự cãi nhau. Chị đã cố gắng chịu đựng, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên anh chị đã ly thân hơn 10 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Dương Minh K để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh K vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Tăng Ngọc T và anh Dương Minh K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Minh K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K tiến tới hôn nhân năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng đầu năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là chủ yếu do anh K thường hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh K không sửa đổi nên vợ chồng thường hay cãi nhau, ngoài ra, anh K còn nhiều lần đánh đập chị nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị đã trở về sống cùng với cha mẹ ruột của chị từ khoảng tháng 10 năm 2008, vợ chồng cũng đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh K không còn quan

tâm gì đến nhau. Do thời gian ly thân đã lâu, chị đã không còn tình cảm với anh K nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh K đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng phía anh K nhiều lần vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh K đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống, chị và anh K không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh K vắng mặt nên chưa xác định được phân tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung của chị T và anh K. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu số tiền 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tăng Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Ngọc T được ly hôn với anh Dương Minh K.

- Về con chung: Không có nên không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tăng Ngọc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010669 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí (công nhận chị T đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P.Phước Thới;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế